

# Đồ án môn Phân tích và thiết kế phần mềm

Mô hình Use case **Phần mềm quản lý khách sạn**  
Version 1.0

**Sinh viên thực hiện:**

1412128 – Đoàn Ngọc Đăng  
1512192 – Cao Gia Huy



Quản lý dịch vụ

Phiên bản: 1.0

Mô hình Use case

Ngày: <26/03/2018>

## Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu

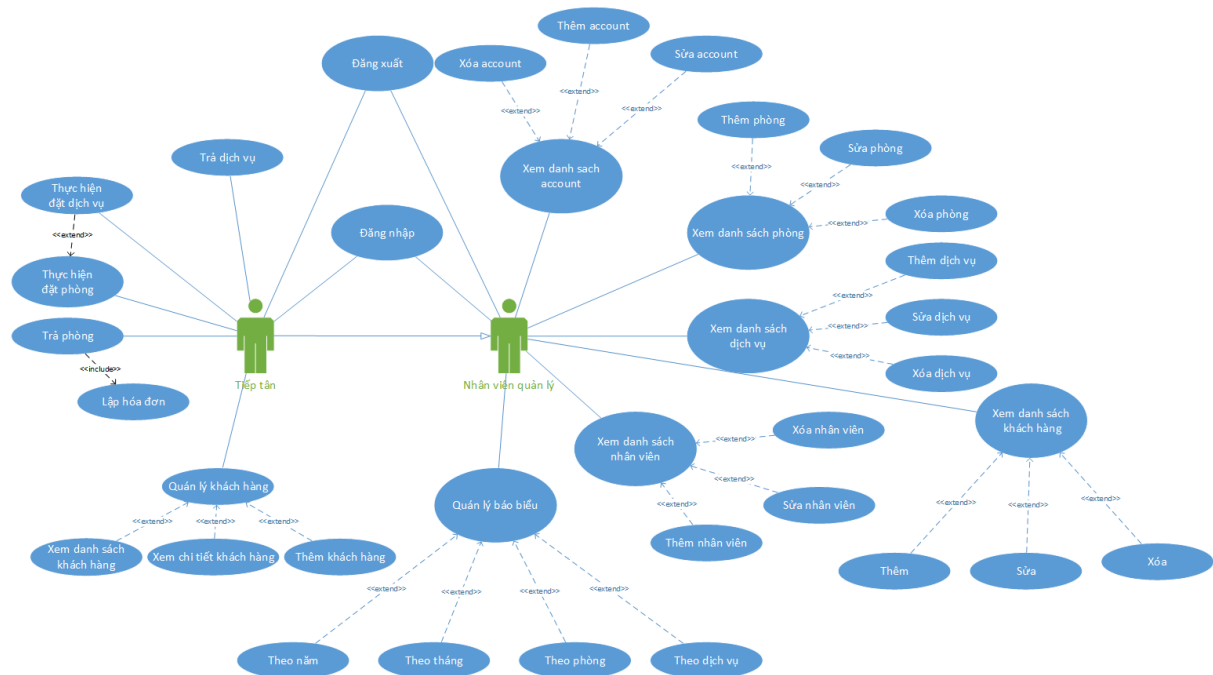
Ngày	Phiên bản	Mô tả	Người thay đổi
24/03/2018	1.0	Vẽ sơ đồ Use Case. Viết danh sách Actor. Viết danh sách Use Case. Viết đặc tả Use Case.	Đoàn Ngọc Đăng
26/03/2018	1.0	Chỉnh sửa lại danh sách Use Case Chỉnh sửa lại đặc tả Use Case	Cao Gia Huy

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

## Mục lục

1. Sơ đồ Use-case	3
2. Danh sách các Actor	3
3. Danh sách các Use-case	3
4. Đặc tả Use-case	4
4.1 Đặc tả Use-case: Đăng nhập	4
4.2 Đặc tả Use-case: Đăng xuất	5
4.3 Đặc tả Use-case: Xem danh sách phòng	5
4.4 Đặc tả Use-case: Thêm phòng	6
4.5 Đặc tả Use-case: Sửa phòng	6
4.6 Đặc tả Use-case: Xóa phòng	7
4.7 Đặc tả Use-case: Xem danh sách dịch vụ	8
4.8 Đặc tả Use-case: Thêm dịch vụ	8
4.9 Đặc tả Use-case: Sửa dịch vụ	9
4.10 Đặc tả Use-case: Xóa dịch vụ	9
4.11 Đặc tả Use-case: Xem danh sách nhân viên	10
4.12 Đặc tả Use-case: Thêm nhân viên	10
4.13 Đặc tả Use-case: Sửa nhân viên	11
4.14 Đặc tả Use-case: Xóa nhân viên	12
4.15 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu	12
4.16 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu theo năm	13
4.17 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu theo tháng	13
4.18 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu theo phòng	14
4.19 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu theo dịch vụ	14
4.20 Đặc tả Use-case: Quản lý khách hàng	15
4.21 Đặc tả Use-case: Thêm thông tin khách hàng	16
4.22 Đặc tả Use-case: Cập nhật thông tin khách hàng	16
4.23 Đặc tả Use-case: Xóa khách hàng	17
4.24 Đặc tả Use-case: Thực hiện đặt dịch vụ	17
4.25 Đặc tả Use-case: Thực hiện đặt phòng	18
4.26 Đặc tả Use-case: Thực hiện trả phòng	19
4.27 Đặc tả Use-case: Thực hiện trả dịch vụ	19
4.28 Đặc tả Use-case: Lập hóa đơn	20
4.29 Đặc tả Use-case: Xuất hóa đơn	20

## 1. Sơ đồ Use-case



## 2. Danh sách các Actor

STT	Tên Actor	Ý nghĩa/Ghi chú
1	Tiếp tân	Quản lý việc khách hàng vào đặt phòng, dịch vụ, thực hiện việc lập in hóa đơn báo biểu của lịch sử sử dụng phòng cũng như thuê dịch vụ
2	Nhân viên quản lý	Thực hiện quản lý phòng, dịch vụ như có thể thay đổi, thêm, xóa sửa phòng và quản lý các thông tin tiếp tân đến làm việc.

## 3. Danh sách các Use-case

STT	Tên Use-case	Ý nghĩa/Ghi chú
1	Đăng nhập	Đăng nhập vào hệ thống
2	Đăng xuất	Đăng xuất khỏi hệ thống
3	Xem danh sách phòng	Xem danh sách phòng trong khách sạn
4	Thêm phòng	Thêm phòng vào khách sạn
5	Sửa phòng	Sửa thông tin của phòng
6	Xóa phòng	Xóa phòng khỏi khách sạn
7	Xem danh sách dịch vụ	Xem danh sách các dịch vụ trong khách sạn
8	Thêm dịch vụ	Thêm dịch vụ vào khách sạn
9	Sửa dịch vụ	Sửa thông tin của dịch vụ
10	Xóa dịch vụ	Xóa dịch vụ khỏi khách sạn
11	Xem danh sách nhân viên	Xem danh sách nhân viên làm việc trong khách sạn
12	Thêm nhân viên	Thêm nhân viên vào khách sạn
13	Sửa thông tin nhân viên	Sửa thông tin nhân viên
14	Xóa nhân viên	Xóa nhân viên khỏi khách sạn

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

15	Quản lý báo biểu	Quản lý báo biểu
16	Theo năm	Quản lý báo biểu theo năm
17	Theo tháng	Quản lý báo biểu theo tháng
18	Theo dịch vụ	Quản lý báo biểu theo dịch vụ
19	Theo phòng	Quản lý báo biểu theo phòng
20	Quản lý khách hàng	Quản lý khách hàng thuê phòng tại khách sạn
21	Cập nhật thông tin khách hàng	Thay đổi thông tin khách hàng
22	Xóa thông tin khách hàng	Xóa thông tin khách hàng
23	Thêm khách hàng	Thêm khách hàng
24	Thực hiện đặt dịch vụ	Thực hiện đặt dịch vụ khi có khách hàng đặt
25	Thực hiện đặt phòng	Thực hiện đặt phòng khi có khách hàng đặt
26	Thực hiện trả dịch vụ	Thực hiện trả dịch vụ khi có khách hàng trả
27	Thực hiện trả phòng	Thực hiện trả phòng khi có khách hàng trả
28	Thực hiện lập hóa đơn	Thực hiện lập hóa đơn khi có khách hàng trả phòng
29	Thực hiện xuất hóa đơn	Thực hiện xuất hóa đơn
30	Thực hiện xem danh sách account	Thực hiện xem danh sách account
31	Thực hiện thêm account	Thực hiện thêm account
32	Thực hiện xóa account	Thực hiện xóa account
33	Thực hiện sửa account	Thực hiện sửa account
34	Thực hiện xem danh sách khách hàng	Thực hiện xem danh sách khách hàng
35	Thực hiện sửa thông tin khách hàng	Thực hiện sửa thông tin khách hàng
36	Thực hiện thêm thông tin khách hàng	Thực hiện thêm thông tin khách hàng
37	Thực hiện sửa thông tin khách hàng	Thực hiện sửa thông tin khách hàng

## 4. Đặc tả Use-case

### 4.1 Đặc tả Use-case: Đăng nhập

Use case ID	U001
Tên Use Case	Đăng nhập
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống
Tác nhân	Quản lý, tiếp tân
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chạy phần mềm quản lý khách sạn.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị bản thông báo yêu cầu người dùng nhập tên và mật khẩu.</li> <li>Người dùng nhập vào tên và mật khẩu.</li> <li>Hệ thống thông báo đăng nhập thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu tên và mật khẩu nhập sai thì hệ thống sẽ thông báo sai và yêu cầu người dùng nhập lại.

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Các yêu cầu đặc biệt	Không có.
Trước khi thực hiện	Chỉ có màn hình đăng nhập, không thực hiện được chức năng nào khác
Sau khi thực hiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.2 Đặc tả Use-case: Đăng xuất

Use case ID	U002
Tên Use Case	Đăng xuất
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng đăng xuất khỏi hệ thống
Tác nhân	Quản lý, tiếp tân
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn đăng xuất trong phần mềm quản lý khách sạn. <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị bản thông báo hỏi người dùng có chắc chắn muốn đăng xuất.</li> <li>Người dùng chọn có.</li> <li>Người dùng sẽ đăng xuất khỏi hệ thống.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu khi hệ thống hiển thị thông báo hỏi người dùng có chắc chắn muốn đăng xuất và người dùng chọn không, người dùng sẽ ở lại hệ thống.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập trước khi đăng xuất
Trước khi thực hiện	Đã thực hiện được chức năng đăng nhập trong hệ thống
Sau khi thực hiện	Đăng xuất thành công khỏi vào hệ thống
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.3 Đặc tả Use-case: Xem danh sách phòng

Use case ID	U003
Tên Use Case	Xem danh sách phòng
Tóm tắt	Cho người dùng xem danh sách trạng thái các phòng
Tác nhân	Quản lý, tiếp tân
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng đã đăng nhập vào trong phần mềm quản lý khách sạn. <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các phòng, bao gồm tên, mã</li> </ol>

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

	phòng và trạng thái các phòng
Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập trước xem danh sách phòng
Trước khi thực hiện	Đã thực hiện được chức năng đăng nhập trong hệ thống
Sau khi thực hiện	Hiện thị danh sách trạng thái các phòng
Điểm mở rộng	Sau khi hiển thị danh sách các phòng người dùng có thể tùy chỉnh thông tin phòng cũng như thêm, xóa, sửa, đặt phòng.

#### 4.4 Đặc tả Use-case: Thêm phòng

Use case ID	U004
Tên Use Case	Thêm phòng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng thêm phòng cho hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng thêm phòng của hệ thống. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị cửa sổ để điền vào thông tin phòng.</li> <li>2. Người dùng điền vào thông tin phòng và xác nhận thêm.</li> <li>3. Hệ thống thông báo thêm phòng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận thêm phòng thì hệ thống sẽ không thêm phòng mới.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập vào hệ thống với vai trò là quản lý
Trước khi thực hiện	Số danh sách phòng không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Thêm phòng thành công, hệ thống ghi nhận phòng mới
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.5 Đặc tả Use-case: Sửa phòng

Use case ID	U005
Tên Use Case	Sửa phòng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng sửa thông tin phòng trong hệ thống
Tác nhân	Quản lý



Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng sửa phòng của hệ thống. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các phòng đang có.</li> <li>2. Người dùng chọn vào phòng muốn sửa.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị các ô điền thông tin mới của phòng.</li> <li>4. Người dùng nhập thông tin mới và xác nhận sửa.</li> <li>5. Hệ thống thay đổi thông tin phòng và thông báo sửa phòng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận sửa phòng thì thông tin phòng đó không thay đổi..
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập và chọn phòng trước khi muốn sửa
Trước khi thực hiện	Thông tin phòng trước khi thay đổi vẫn như cũ
Sau khi thực hiện	Thông tin phòng được cập nhật mới.
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.6 Đặc tả Use-case: Xóa phòng

Use case ID	U006
Tên Use Case	Xóa phòng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng xóa phòng khỏi hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng xóa phòng của hệ thống. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các phòng hiện có.</li> <li>2. Người dùng chọn vào phòng muốn xóa.</li> <li>3. Người dùng xác nhận xóa phòng.</li> <li>4. Hệ thống xóa phòng và thông báo xóa phòng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận xóa phòng thì phòng đó vẫn còn trong hệ thống.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập chọn thông tin phòng muốn xóa khỏi hệ thống
Trước khi thực hiện	Danh sách phòng không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Xóa phòng thành công, không còn phòng đó trong hệ thống
Điểm mở rộng	Không có.



Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

#### 4.7 Đặc tả Use-case: Xem danh sách dịch vụ

Use case ID	U007
Tên Use Case	Xem danh sách dịch vụ
Tóm tắt	Cho người dùng xem danh sách các dịch vụ có trong hệ thống
Tác nhân	Quản lý, tiếp tân
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng đã đăng nhập vào trong phần mềm quản lý khách sạn. 1. Hệ thống hiển thị danh sách các dịch vụ, bao gồm tên, mã dịch vụ và chi phí phải trả cho mỗi dịch vụ
Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập trước xem danh sách dịch vụ
Trước khi thực hiện	Đã thực hiện được chức năng đăng nhập trong hệ thống
Sau khi thực hiện	Hiển thị danh sách trạng thái các dịch vụ
Điểm mở rộng	Sau khi hiển thị danh sách các dịch vụ người dùng có thể tùy chỉnh thông tin dịch vụ cũng như thêm, xóa, sửa, đặt phòng.

#### 4.8 Đặc tả Use-case: Thêm dịch vụ

Use case ID	U008
Tên Use Case	Thêm dịch vụ
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng thêm dịch vụ cho hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng thêm dịch vụ của hệ thống. 1. Hệ thống hiển thị cửa sổ để điền vào thông tin dịch vụ 2. Người dùng điền vào thông tin dịch vụ và xác nhận. 3. Hệ thống thông báo thêm dịch vụ thành công.
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận thêm dịch vụ thì hệ thống sẽ không thêm phòng mới.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập vào hệ thống với vai trò là quản lý
Trước khi thực hiện	Số danh sách dịch vụ không có gì thay đổi

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Sau khi thực hiện	Thêm phòng thành công, hệ thống ghi nhận dịch vụ mới
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.9 Đặc tả Use-case: Sửa dịch vụ

Use case ID	U009
Tên Use Case	Sửa dịch vụ
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng sửa thông tin dịch vụ trong hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng sửa dịch vụ của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các dịch vụ hiện có.</li> <li>Người dùng chọn vào dịch vụ muốn sửa.</li> <li>Hệ thống hiển thị các ô điền thông tin mới của dịch vụ.</li> <li>Người dùng nhập thông tin mới và xác nhận sửa.</li> <li>Hệ thống thay đổi thông tin dịch vụ và thông báo sửa dịch vụ thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận sửa dịch vụ thì thông tin dịch vụ đó không thay đổi..
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập và chọn dịch vụ trước khi muốn sửa
Trước khi thực hiện	Thông tin dịch vụ trước khi thay đổi vẫn như cũ
Sau khi thực hiện	Thông tin dịch vụ được cập nhật mới.
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.10 Đặc tả Use-case: Xóa dịch vụ

Use case ID	U010
Tên Use Case	Xóa dịch vụ
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng xóa dịch vụ khỏi hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng xóa phòng của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các dịch vụ hiện có.</li> <li>Người dùng chọn vào dịch vụ muốn xóa.</li> <li>Người dùng xác nhận xóa dịch vụ.</li> <li>Hệ thống xóa phòng và thông báo xóa dịch vụ thành công.</li> </ol>

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận xóa dịch vụ thì dịch vụ đó vẫn còn trong hệ thống.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập chọn thông tin dịch vụ muốn xóa khỏi hệ thống
Trước khi thực hiện	Danh sách dịch vụ không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Xóa dịch vụ thành công, không còn dịch vụ đó trong hệ thống
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.11 Đặc tả Use-case: Xem danh sách nhân viên

Use case ID	U011
Tên Use Case	Xem danh sách nhân viên
Tóm tắt	Cho người dùng xem danh sách các nhân viên đang làm trong khách sạn
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng đã đăng nhập vào trong phần mềm quản lý khách sạn. 1. Hệ thống hiển thị danh sách các nhân viên đang làm trong hệ thống, bao gồm tên, mã nhân viên và vai trò của nhân viên và vùng quản lý
Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập trước xem danh sách nhân viên
Trước khi thực hiện	Đã thực hiện được chức năng đăng nhập trong hệ thống
Sau khi thực hiện	Hiển thị danh sách trạng thái các nhân viên
Điểm mở rộng	Sau khi hiển thị danh sách các nhân viên người dùng có thể tùy chỉnh thông tin nhân viên cũng như thêm, xóa, sửa.

#### 4.12 Đặc tả Use-case: Thêm nhân viên

Use case ID	U012
Tên Use Case	Thêm nhân viên
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng thêm nhân viên mới cho hệ thống
Tác nhân	Quản lý

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng thêm nhân viên của hệ thống. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị cửa sổ để điền vào thông tin nhân viên.</li> <li>2. Người dùng điền vào thông tin nhân viên và xác nhận thêm.</li> <li>3. Hệ thống thông báo thêm nhân viên thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận thêm nhân viên thì hệ thống sẽ không thêm nhân viên mới.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập vào hệ thống với vai trò là quản lý
Trước khi thực hiện	Số danh sách nhân viên không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Thêm nhân viên thành công, hệ thống ghi nhận nhân viên mới
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.13 Đặc tả Use-case: Sửa nhân viên

Use case ID	U013
Tên Use Case	Sửa nhân viên
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng sửa thông tin nhân viên trong hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng sửa thông tin nhân viên của hệ thống. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các nhân viên đang có.</li> <li>2. Người dùng chọn vào nhân viên muốn sửa.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị các ô điền thông tin mới của nhân viên.</li> <li>4. Người dùng nhập thông tin mới và xác nhận sửa.</li> <li>5. Hệ thống thay đổi thông tin nhân viên và thông báo sửa nhân viên thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận sửa thông tin nhân viên thì thông tin nhân viên đó không thay đổi..
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập và chọn phòng trước khi muốn sửa
Trước khi thực hiện	Thông tin nhân viên trước khi thay đổi vẫn như cũ

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Sau khi thực hiện	Thông tin nhân viên được cập nhật mới.
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.14 Đặc tả Use-case: Xóa nhân viên

Use case ID	U014
Tên Use Case	Xóa nhân viên
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng xóa thông tin nhân viên khỏi hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng xóa thông tin nhân viên của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các thông tin nhân viên hiện có.</li> <li>Người dùng chọn vào thông tin nhân viên muốn xóa.</li> <li>Người dùng xác nhận xóa thông tin nhân viên.</li> <li>Hệ thống xóa thông tin nhân viên và thông báo xóa nhân viên thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận xóa nhân viên thì thông tin nhân viên đó vẫn còn trong hệ thống.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập chọn thông tin nhân viên muốn xóa khỏi hệ thống
Trước khi thực hiện	Danh sách nhân viên không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Xóa thông tin nhân viên thành công, không còn nhân viên đó trong hệ thống
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.15 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu

Use case ID	U015
Tên Use Case	Quản lý báo biểu
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng xem danh sách các báo biểu trong hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng xem danh sách báo biểu trong hệ thống</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các báo biểu, hóa đơn gần nhất</li> </ol>

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập trước xem danh sách các báo biểu
Trước khi thực hiện	Đã thực hiện được chức năng đăng nhập trong hệ thống
Sau khi thực hiện	Xem được danh sách các báo biểu
Điểm mở rộng	Người dùng có thể xem, thống kê các báo biểu theo các use case như tháng, năm, phòng và theo dịch vụ

#### 4.16 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu theo năm

Use case ID	U016
Tên Use Case	Quản lý báo biểu theo năm
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng thống kê danh sách các báo biểu theo năm
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn xem hóa đơn theo năm trong phần mềm quản lý khách sạn. <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các hóa đơn tổng quát.</li> <li>Người dùng chọn lọc hóa đơn theo năm</li> <li>Hiển thị các hóa đơn theo năm được chọn</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập xem được và có dữ liệu về các hóa đơn theo năm
Trước khi thực hiện	Hiển thị danh sách các hóa đơn nhưng chưa được lọc, hiển thị lộn xộn
Sau khi thực hiện	Hiển thị danh sách các hóa đơn theo năm được sắp xếp có thứ tự và chi tiết
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.17 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu theo tháng

Use case ID	U017
Tên Use Case	Quản lý báo biểu theo tháng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng thống kê danh sách các báo biểu theo tháng
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn xem hóa đơn theo tháng trong phần mềm quản lý khách sạn.



Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các hóa đơn tổng quát.</li> <li>Người dùng chọn lọc hóa đơn theo tháng</li> <li>Hiển thị các hóa đơn theo tháng được chọn</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập xem được và có dữ liệu về các hóa đơn theo tháng
Trước khi thực hiện	Hiển thị danh sách các hóa đơn nhưng chưa được lọc, hiển thị lộn xộn
Sau khi thực hiện	Hiển thị danh sách các hóa đơn theo tháng được sắp xếp có thứ tự và chi tiết
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.18 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu theo phòng

Use case ID	U018
Tên Use Case	Quản lý báo biểu theo phòng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng thống kê danh sách các báo biểu theo phòng
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn xem hóa đơn theo phòng trong phần mềm quản lý khách sạn.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các hóa đơn tổng quát.</li> <li>Người dùng chọn lọc hóa đơn theo phòng</li> <li>Hiển thị các hóa đơn theo phòng được chọn</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập xem được và có dữ liệu về các hóa đơn theo phòng
Trước khi thực hiện	Hiển thị danh sách các hóa đơn nhưng chưa được lọc, hiển thị lộn xộn
Sau khi thực hiện	Hiển thị danh sách các hóa đơn theo phòng được sắp xếp có thứ tự và chi tiết
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.19 Đặc tả Use-case: Quản lý báo biểu theo dịch vụ

Use case ID	U019
Tên Use Case	Quản lý báo biểu theo dịch vụ



Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Tóm tắt	Use case cho phép người dùng thống kê danh sách các bao biểu theo dịch vụ
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn xem hóa đơn theo dịch vụ trong phần mềm quản lý khách sạn. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các hóa đơn tổng quát.</li> <li>2. Người dùng chọn lọc hóa đơn theo dịch vụ</li> <li>3. Hiển thị các hóa đơn theo dịch vụ được chọn</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập xem được và có dữ liệu về các hóa đơn theo dịch vụ
Trước khi thực hiện	Hiển thị danh sách các hóa đơn nhưng chưa được lọc, hiển thị lộn xộn
Sau khi thực hiện	Hiển thị danh sách các hóa đơn theo dịch vụ được sắp xếp có thứ tự và chi tiết
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.20 Đặc tả Use-case: Quản lý khách hàng

Use case ID	U020
Tên Use Case	Quản lý khách hàng
Tóm tắt	Cho người dùng xem danh sách các khách hàng đã đặt phòng trong hệ thống
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng quản lý được thông tin khách hàng đang sử dụng phòng của hệ thống <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các thông tin khách hàng bao gồm tên, CMND và phòng đã đặt</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập trước xem danh sách khách hàng
Trước khi thực hiện	Đã thực hiện được chức năng đăng nhập trong hệ thống
Sau khi thực hiện	Hiện thị danh sách trạng thái các khách hàng đã đặt phòng
Điểm mở rộng	Sau khi hiển thị danh sách các khách hàng đã đặt phòng người dùng có thể thêm khách hàng mới muốn đặt, sửa

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

	thông tin khách hàng, xóa thông tin khách hàng
--	--

#### 4.21 Đặc tả Use-case: Thêm thông tin khách hàng

Use case ID	U021
Tên Use Case	Thêm thông tin khách hàng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng Thêm thông tin khách hàng trong hệ thống
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng thêm thông tin khách hàng của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị cửa sổ để điền vào thông tin khách hàng.</li> <li>Người dùng điền vào thông tin khách hàng, phòng muốn đặt và xác nhận thêm.</li> <li>Hệ thống thông báo thêm khách hàng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận thêm khách hàng thì hệ thống sẽ không thêm khách hàng mới.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập vào hệ thống với vai trò tiếp tân
Trước khi thực hiện	Số danh sách khách hàng không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Thêm khách hàng thành công, hệ thống ghi nhận khách hàng mới
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.22 Đặc tả Use-case: Cập nhật thông tin khách hàng

Use case ID	U022
Tên Use Case	Cập nhật thông tin khách hàng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng sửa thông tin khách hàng trong hệ thống
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng sửa thông tin khách hàng của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các khách hàng đang có.</li> <li>Người dùng chọn vào khách hàng muốn sửa.</li> <li>Hệ thống hiển thị các ô điền thông tin mới của khách hàng.</li> <li>Người dùng nhập thông tin mới và xác nhận sửa.</li> <li>Hệ thống thay đổi thông tin khách hàng và thông báo sửa thông tin khách hàng thành công.</li> </ol>

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận sửa thông tin khách hàng thì thông tin khách hàng đó không thay đổi.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập và chọn khách hàng trước khi muốn sửa
Trước khi thực hiện	Thông tin khách hàng trước khi thay đổi vẫn như cũ
Sau khi thực hiện	Thông tin khách hàng được cập nhật mới.
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.23 Đặc tả Use-case: Xóa khách hàng

Use case ID	U023
Tên Use Case	Xóa thông tin khách hàng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng xóa khách hàng khỏi hệ thống
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng xóa khách hàng của hệ thống. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các khách hàng hiện có.</li> <li>2. Người dùng chọn vào khách hàng muốn xóa.</li> <li>3. Người dùng xác nhận xóa khách hàng.</li> <li>4. Hệ thống xóa khách hàng và thông báo xóa khách hàng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận xóa khách hàng thì khách hàng đó vẫn còn trong hệ thống.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập chọn thông tin khách hàng muốn xóa khỏi hệ thống
Trước khi thực hiện	Danh sách khách hàng không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Xóa phòng thành công, không còn khách hàng đó trong hệ thống
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.24 Đặc tả Use-case: Thực hiện đặt dịch vụ

Use case ID	U024
Tên Use Case	Thực hiện đặt dịch vụ
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng đặt dịch vụ muốn sử dụng khi thuê phòng
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng thuê dịch

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

	<p>vụ của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các dịch vụ chưa có người thuê.</li> <li>2. Người dùng chọn vào dịch vụ có khách muốn thuê và xác nhận.</li> <li>3. Hệ thống thay đổi tình trạng thuê dịch vụ của dịch vụ và thông báo thuê dịch vụ thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận thuê dịch vụ thì thông tin tình trạng thuê dịch vụ của dịch vụ đó không đổi.
Các yêu cầu đặc biệt	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Trước khi thực hiện	Dịch vụ mà khách hàng cần thuê phải có trạng thái “Trống”
Sau khi thực hiện	Tình trạng thuê của dịch vụ được thay đổi thành “Đã thuê”
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.25 Đặc tả Use-case: Thực hiện đặt phòng

Use case ID	U025
Tên Use Case	Thực hiện đặt phòng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng đặt phòng muốn sử dụng khi thuê phòng
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng thuê phòng của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các phòng chưa có người thuê.</li> <li>2. Người dùng chọn vào phòng có khách muốn thuê và xác nhận.</li> <li>3. Hệ thống thay đổi tình trạng thuê phòng của phòng và thông báo thuê phòng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận thuê phòng thì thông tin tình trạng thuê phòng của phòng đó không đổi.
Các yêu cầu đặc biệt	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Trước khi thực hiện	Phòng mà khách hàng cần thuê phải có trạng thái “Trống”
Sau khi thực hiện	Tình trạng thuê của phòng được thay đổi thành “Đã thuê”
Điểm mở rộng	Không có.

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

#### 4.26 Đặc tả Use-case: Thực hiện trả phòng

Use case ID	U026
Tên Use Case	Thực hiện trả phòng
Tóm tắt	Use case cho phép người cập nhật thông tin trả phòng khi có khách muốn kết thúc thuê phòng
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng trả phòng của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các phòng đang được thuê.</li> <li>2. Người dùng chọn phòng khách muốn kết thúc thuê.</li> <li>3. Người dùng thay đổi tình trạng thuê và xác nhận.</li> <li>4. Hệ thống thay đổi tình trạng thuê phòng và thông báo kết thúc thuê phòng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận trả phòng thì thông tin tình trạng thuê phòng đó không đổi.
Các yêu cầu đặc biệt	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Trước khi thực hiện	phòng mà khách hàng cần thuê phải có trạng thái “Đã thuê”
Sau khi thực hiện	Tình trạng thuê của phòng được thay đổi thành “Trống”
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.27 Đặc tả Use-case: Thực hiện trả dịch vụ

Use case ID	U027
Tên Use Case	Thực hiện trả dịch vụ
Tóm tắt	Use case cho phép người cập nhật thông tin trả dịch vụ khi có khách muốn kết thúc thuê dịch vụ
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng trả dịch vụ của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các dịch vụ đang được thuê.</li> <li>2. Người dùng chọn dịch vụ khách muốn kết thúc thuê.</li> <li>3. Người dùng thay đổi tình trạng thuê và xác nhận.</li> <li>4. Hệ thống thay đổi tình trạng thuê dịch vụ của phòng và thông báo kết thúc thuê dịch vụ thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận trả dịch vụ thì thông tin tình trạng thuê dịch vụ của dịch vụ đó không đổi.

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Các yêu cầu đặc biệt	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Trước khi thực hiện	Dịch vụ mà khách hàng cần thuê phải có trạng thái “Đã thuê”
Sau khi thực hiện	Tình trạng thuê của dịch vụ được thay đổi thành “Trống”
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.28 Đặc tả Use-case: Lập hóa đơn

Use case ID	U028
Tên Use Case	Lập hóa đơn
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng lập hóa đơn thanh toán khi khách trả phòng.
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng lập hóa đơn sau khi có khách trả phòng. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị bản thông báo có muốn lập hóa đơn.</li> <li>2. Người dùng chọn có và xác nhận.</li> <li>3. Hệ thống lập hóa đơn và thông báo thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận xuất hóa đơn thì hóa đơn không được xuất ra.
Các yêu cầu đặc biệt	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Trước khi thực hiện	Hóa đơn chưa có và chưa có tổng hợp thông tin của thanh toán khách hàng khi đang thuê các dịch vụ cũng như phòng trong hệ thống
Sau khi thực hiện	Hiển thị thông tin các hóa đơn theo thời gian
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.29 Đặc tả Use-case: Xuất hóa đơn

Use case ID	U029
Tên Use Case	Xuất hóa đơn
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng xuất hóa đơn thanh toán khi khách trả phòng.
Tác nhân	Tiếp tân
Dòng sự kiện chính	Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng xuất hóa đơn sau khi có khách trả phòng.



Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị bản thông báo có muốn xuất hóa đơn.</li> <li>Người dùng chọn có và xác nhận.</li> <li>Hệ thống xuất hóa đơn và thông báo thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận xuất hóa đơn thì hóa đơn không được xuất ra.
Các yêu cầu đặc biệt	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Trước khi thực hiện	Hóa đơn đã có.
Sau khi thực hiện	Hiển thị thông tin các hóa đơn theo thời gian
Điểm mở rộng	Không có.

#### 4.30 Đặc tả Use-case: Xem danh sách account

Use case ID	U007
Tên Use Case	Xem danh sách account
Tóm tắt	Cho người dùng xem danh sách các account có trong hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng đã đăng nhập vào trong phần mềm quản lý khách sạn.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chọn quản lý account</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các account, bao gồm tên, password và thông tin cá nhân cho mỗi account</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Không có dữ liệu
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập trước xem danh sách account
Trước khi thực hiện	Đã thực hiện được chức năng đăng nhập trong hệ thống
Sau khi thực hiện	Hiện thị danh sách trạng thái các account
Điểm mở rộng	Sau khi hiển thị danh sách các account người dùng có thể tùy chỉnh thông tin account cũng như thêm, xóa, sửa, đặt phòng.

#### 3.1 Đặc tả Use-case: Thêm account

Use case ID	U008
-------------	------



**Quản lý dịch vụ**

Phiên bản: 1.0

**Mô hình Use case**

Ngày: <26/03/2018>

Tên Use Case	Thêm account
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng thêm account cho hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng thêm account của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị cửa sổ để điền vào thông tin account</li> <li>2. Người dùng điền vào thông tin account và xác nhận.</li> <li>3. Hệ thống thông báo thêm account thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận thêm account thì hệ thống sẽ không thêm phòng mới.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập vào hệ thống với vai trò là quản lý
Trước khi thực hiện	Số danh sách account không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Thêm phòng thành công, hệ thống ghi nhận account mới
Điểm mở rộng	Không có.

**3.2 Đặc tả Use-case: Sửa account**

Use case ID	U009
Tên Use Case	Sửa account
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng sửa thông tin account trong hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng sửa account của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các account hiện có.</li> <li>2. Người dùng chọn vào account muốn sửa.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị các ô điền thông tin mới của account</li> <li>4. Người dùng nhập thông tin mới và xác nhận sửa.</li> <li>5. Hệ thống thay đổi thông tin account và thông báo sửa account thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận sửa account thì thông tin dịch vụ đó không thay đổi..
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập và chọn account trước khi muốn sửa

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Trước khi thực hiện	Thông tin account trước khi thay đổi vẫn như cũ
Sau khi thực hiện	Thông tin account được cập nhật mới.
Điểm mở rộng	Không có.

### 3.3 Đặc tả Use-case: Xóa account

Use case ID	U010
Tên Use Case	Xóa account
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng xóa account khỏi hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng xóa account của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các account hiện có.</li> <li>Người dùng chọn vào account muốn xóa.</li> <li>Người dùng xác nhận xóa account.</li> <li>Hệ thống xóa account và thông báo xóa account thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận xóa account thì account đó vẫn còn trong hệ thống.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập chọn thông tin account muốn xóa khỏi hệ thống
Trước khi thực hiện	Danh sách account không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Xóa dịch vụ thành công, không còn account đó trong hệ thống
Điểm mở rộng	Không có.

### 3.4 Đặc tả Use-case: Xem danh sách khách hàng

Use case ID	U007
Tên Use Case	Xem danh sách khách hàng
Tóm tắt	Cho người dùng xem danh sách các dịch vụ có trong hệ thống
Tác nhân	Quản lý, tiếp tân
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng đã đăng nhập vào trong phần mềm quản lý khách sạn.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị danh sách các khách hàng, bao gồm tên, mã khách hàng và thông tin cá nhân cho mỗi khách hàng</li> </ol>

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Dòng sự kiện phụ	Không có
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập trước xem danh sách khách hàng
Trước khi thực hiện	Đã thực hiện được chức năng đăng nhập trong hệ thống
Sau khi thực hiện	Hiện thị danh sách trạng thái các khách hàng
Điểm mở rộng	Sau khi hiển thị danh sách các khách hàng người dùng có thể tùy chỉnh thông tin khách hàng cũng như thêm, xóa, sửa khách hàng.

### 3.5 Đặc tả Use-case: Thêm khách hàng

Use case ID	U008
Tên Use Case	Thêm khách hàng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng thêm khách hàng cho hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng thêm khách hàng của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống hiển thị cửa sổ để điền vào thông tin khách hàng</li> <li>Người dùng điền vào thông tin khách hàng và xác nhận.</li> <li>Hệ thống thông báo thêm khách hàng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận thêm khách hàng thì hệ thống sẽ không thêm phòng mới.
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập vào hệ thống với vai trò là quản lý, tiếp tân
Trước khi thực hiện	Số danh sách khách hàng không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Thêm phòng thành công, hệ thống ghi nhận khách hàng mới
Điểm mở rộng	Không có.

### 3.6 Đặc tả Use-case: Sửa khách hàng

Use case ID	U009
Tên Use Case	Sửa khách hàng

Quản lý dịch vụ	Phiên bản: 1.0
Mô hình Use case	Ngày: <26/03/2018>

Tóm tắt	Use case cho phép người dùng sửa thông tin khách hàng trong hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng sửa khách hàng của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các khách hàng hiện có.</li> <li>2. Người dùng chọn vào khách hàng muốn sửa.</li> <li>3. Hệ thống hiển thị các ô điền thông tin mới của khách hàng.</li> <li>4. Người dùng nhập thông tin mới và xác nhận sửa.</li> <li>5. Hệ thống thay đổi thông tin khách hàng và thông báo sửa khách hàng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận sửa dịch vụ thì thông tin khách hàng đó không thay đổi..
Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập và chọn khách hàng trước khi muốn sửa
Trước khi thực hiện	Thông tin khách hàng trước khi thay đổi vẫn như cũ
Sau khi thực hiện	Thông tin khách hàng được cập nhật mới.
Điểm mở rộng	Không có.

### 3.7 Đặc tả Use-case: Xóa khách hàng

Use case ID	U010
Tên Use Case	Xóa khách hàng
Tóm tắt	Use case cho phép người dùng xóa khách hàng khỏi hệ thống
Tác nhân	Quản lý
Dòng sự kiện chính	<p>Use case bắt đầu khi người dùng chọn chức năng xóa khách hàng của hệ thống.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống hiển thị danh sách các khách hàng hiện có.</li> <li>2. Người dùng chọn vào khách hàng muốn xóa.</li> <li>3. Người dùng xác nhận xóa khách hàng.</li> <li>4. Hệ thống xóa khách hàng và thông báo xóa khách hàng thành công.</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng không xác nhận xóa khách hàng thì dịch vụ đó vẫn còn trong hệ thống.

Quản lý dịch vụ

Phiên bản: 1.0

Mô hình Use case

Ngày: <26/03/2018>

Các yêu cầu đặc biệt	Phải đăng nhập chọn thông tin khách hàng muốn xóa khỏi hệ thống
Trước khi thực hiện	Danh sách khách hàng không có gì thay đổi
Sau khi thực hiện	Xóa khách hàng thành công, không còn khách hàng đó trong hệ thống
Điểm mở rộng	Không có.